ỦY BAN DÂN TỘC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 612 /QĐ-UBDT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 13.222 thôn đặc biệt khó khăn, bao gồm: 11.179 thôn của xã khu vực III; 736 thôn của xã khu vực II, 1.184 thôn của xã khu vực I và 123 thôn của các xã có thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn 41 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương *(danh sách kèm theo).*

Điều 2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc đổi tên, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành chức năng rà soát, xác định theo tiêu chí và lập hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp, thẩm định và quyết định điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 433/QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc về Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

Hầu A Lềnh

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Vụ, đơn vị của UBDT;
- Lưu: VT, CSDT.

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
THUỘC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH THÁI NGUYÊN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 612 /QĐ-UBDT ngày 16 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Số thôn ĐBKK
	Tổng cộng	**142**
	Xã có thôn vùng DTTS&MN	1
	Xã khu vực I	22
	Xã khu vực II	27
	Xã khu vực III	92
I	**Huyện Võ Nhai**	
1	**Dân Tiến**	**I**
	Lân Vai	
2	**Xã La Hiên**	**I**
	Khuôn Ngục	
3	**Phú Thượng**	**I**
	Cao Biền	
4	**Xã Tràng Xá**	**I**
	Thắng Lợi	
	Hợp Nhất	
	Chòi Hồng	
	Đồng Bài	
	Là Bo	
5	**Bình Long**	**II**
	Đèo Ngà	
	Long Thành	
	Quảng Phúc	
	Chùa	
	Đồng Bứa	
	Nà Sọc	
	Chịp	
	Đồng Bản	
6	**Xã Sảng Mộc**	**III**
	Khuổi Chạo	
	Khuổi Uốn	
	Khuổi Mèo	
	Nà Lay	

	Tân Lập	
7	**Xã Cúc Đường**	**III**
	Mỏ Chì	
8	**Thần Sa**	**III**
	Xóm Hạ sơn tày	
	Xóm Kim Sơn	
	Xóm Tân Kim	
	Xóm Thượng Kim	
	Xóm Hạ Sơn Dao	
9	**Phương Giao**	**III**
	Là Mè	
	Là Khoan	
	Na Bả	
	Nà Canh	
	Đồng Dong	
10	**Nghinh Tường**	**III**
	Na Hấu	
	Bản Nhàu	
	Thâm Thạo	
	Bản Nưa	
	Bản Rãi	
	Hạ Lương	
	Thượng Lương	
	Bản Chang	
	Bản Cái	
	Nà Châu	
	Nà Giàm	
	Nà Lẹng	
11	**Thượng Nung**	**III**
	Xóm Trung Thành	
	Xóm Lũng Cà	
	Xóm Lũng Hoài	
	Xóm Lũng Luông	
12	**Liên Minh**	**III**
	Xóm Nho	
	Ngọc Mỹ	
	Xóm Kẹ	
	Xóm Nác	
	Khuân Nang	
	Khuân Đã	

13	**Xã Vũ Chấn**	**III**
	Xóm Khe Cái	
	Xóm Na Cà	
	Xóm Khe Rạc	
	Xóm Cao Sơn	
	Xóm Khe Rịa	
II	**Huyện Định Hóa**	
1	**Xã Bảo Linh**	**III**
	Khuổi Chao	
	Quế Linh	
	Hoa Muồng	
	Liên Minh	
2	**Xã Quy Kỳ**	**III**
	Đăng Mò	
	Khuổi Tát	
	Thống Nhất 2	
	Túc Duyên	
	Gốc Hồng	
	Hương Bảo 1	
	Hương Bảo 2	
	Hương Bảo 3	
3	**Xã Linh Thông**	**III**
	Bản Mới	
	Nà Chát	
	Bản Chang	
	Nà Chú	
	Linh Sơn	
	Nà Mỵ	
	Cốc Móc	
	Tân Vàng	
	Bản Vèn	
4	**Xã Bình Thành**	**II**
	Làng Nập	
	Đồng Đình	
	Quyết Tiến	
	Vũ Hồng	
5	**Xã Bình Yên**	**II**
	Khang Thượng	
	Khang Trung	
6	**Xã Điềm Mặc**	**II**

	Bản Bắc 1	
7	**Xã Lam Vỹ**	**II**
	Nà Làng	
8	**Xã Phú Tiến**	**II**
	Đồng Tiến	
	Hợp Tiến	
9	**Xã Tân Dương**	**II**
	Xóm Tràng	
	Xóm Cóoc	
	Hợp Thành	
10	**Xã Tân Thịnh**	**II**
	Xóm Thịnh Mỹ	
	Xóm Làng Ngõa	
	Xóm Đồng Muồng	
11	**Xã Trung Lương**	**II**
	Cầu Đá	
12	**Xã Định Biên**	**II**
	Xóm Nà To	
	Xóm Gốc Thông	
13	**Xã Phú Đình**	**I**
	Khuôn Tát	
	Nạ Tẩm	
III	**Huyện Đồng Hỷ**	
1	**Xã Quang Sơn**	**I**
	Xóm Lân Đăm	
2	**Xã Tân Long**	**III**
	Xóm Ba Đình	
	Xóm Đồng Mẫu	
	Xóm Mỏ Ba	
	Xóm Đồng Luông	
	Xóm Đồng Mây	
	Xóm Làng Giếng	
	Xóm Hồng Phong	
	Xóm Lân Quan	
3	**Xã Văn Lăng**	**III**
	Bản Tèn	
	Xóm Tam Va	
	Xóm Liên Phương	
	Xóm Vân Lăng	
	Xóm Khe Mong	

	Xóm Tân Thành	
	Xóm Tân Sơn	
	Xóm Dạt	
4	**Xã Cây Thị**	**I**
	Xóm Khe Cạn	
	Xóm Suối Găng	
5	**Xã Hợp Tiến**	**III**
	Xóm Cao Phong	
	Xóm Bãi Bông	
	Xóm Mỏ Sắt	
	Xóm Đồn Trình	
	Xóm Đèo Bụt	
	Xóm Bãi Vàng	
IV	**Huyện Phú Lương**	
1	**Xã Yên Trạch**	**III**
	Đồng Quốc	
	Khau Đu	
	Khuân Cướm	
	Na Mẩy	
	Khuân Lặng	
	Na Pháng	
2	**Xã Phú Đô**	**I**
	Na sàng	
	Phú Bắc	
	Phú Nam 8	
3	**Xã Động Đạt**	**I**
	Đồng Tâm	
V	**Huyện Phú Bình**	
1	**Xã Tân Thành**	**I**
	Xóm Đồng bầu Trong	
	Xóm Đồng bầu Ngoài	
2	**Xã Tân Khánh**	
	Xóm Cầu Cong	
3	**Xã Bàn Đạt**	**I**
	xóm Đồng Quan	
	xóm Đá Bạc	
	xóm Cầu Mành	